TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 335/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐ-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Vân T, sinh năm 1981, địa chỉ: 866/58 đường 30/4, Phường 11, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

Bị đơn: Ông Kiều Chí Thái S, sinh năm 1975; địa chỉ: 44 THS, phường RD, thành phố VT, tỉnh BR-VT.

(*Bà T, ông S vắng mặt, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Vân T trình bày:

Bà và ông Kiều Chí Thái S tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 19-6-2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu

thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng về quan điểm sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm với ông S nhưng không thành. Bà và ông S không chung sống cùng nhau, không ai quan tâm đến ai từ năm 2008 đến nay. Do vậy, tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Kiều Chí Thái S.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà và ông S có 02 con chung là Kiều Gia Huy sinh năm 2001 và Kiều Lan Anh sinh năm 2003. Các con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành các thủ tục tống đạt đối với nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định nhưng nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và Gia đình, kết quả xác minh của Tòa án, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Đỗ Thị Vân T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Kiều Chí Thái S nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Kiều Chí Thái S có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Bà T và ông S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 19-6-2000 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng về quan điểm sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm với ông S nhưng không thành. Bà và ông S không chung sống cùng nhau, không ai quan tâm đến ai từ năm 2008 đến nay, nên tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông S.

Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi Bà T và ông S sinh sống trước đây có nội dung: Trong thời gian cư trú tại địa phương Bà T và ông S có xảy ra mâu thuẫn nhưng khu phố không nắm được nội dung cụ thể vì các đương sự không trình báo. Khoảng năm 2008, bà T chuyển đi nơi khác sinh sống, chỉ còn ông S sinh sống tại địa phương. Ông S là người theo đạo thiên chúa nên không đồng ý ly hôn. Điều này phù hợp với lời khai của bà T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập ông S đến làm việc nhưng ông S không tham dự cũng như không có ý kiến phản hồi, cho thấy ông S không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà T và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, bà T với ông S đã không cùng chung sống, quan tâm đến nhau trong một thời gian dài dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà T với ông S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: Bà và ông S có 02 con chung là cháu Kiều Gia Huy sinh năm 2001 và Kiều Lan Anh sinh năm 2003. Các con chung đã trưởng thành , bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Vân T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Vân T được ly hôn với ông Kiều Chí Thái S.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà T và ông S có 02 con chung là cháu Kiều Gia Huy sinh năm 2001 và Kiều Lan Anh sinh năm 2003. Các con chung đã trưởng thành, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị Vân T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002175 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; bà T đã nộp xong án phí.

Ông Kiều Chí Thái S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND Phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trà My